

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 9,75 ha) tại núi Một, xã Cát Khánh và Cát Thành, huyện Phù Cát để phục vụ thi công xây dựng dự án Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ núi Ghènh đến giáp đường ven biển (ĐT.639) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 107/STNMT-CCBVMT ngày 13/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 9,75 ha) tại núi Một xã Cát Khánh và Cát Thành, huyện Phù Cát của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 9,75 ha) tại núi Một xã Cát Khánh và Cát Thành, huyện Phù Cát đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 435/BQLGT-ĐHDA1 ngày 02/3/2023 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 200/TTr-STNMT ngày 07/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 9,75 ha để phục vụ thi công xây dựng dự án Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ núi Ghènh đến giáp đường ven biển (ĐT.639) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Một, xã Cát Khánh và Cát Thành, huyện

Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Khánh;
- UBND xã Cát Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 9,75 HA) TẠI
NÚI MỘT, XÃ CÁT KHÁNH VÀ XÃ CÁT THÀNH, HUYỆN PHÙ CÁT,
TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐỂ PHỤC VỤ THI CÔNG XÂY DỰNG DỰ ÁN
TUYỂN ĐƯỜNG TRÁNH ĐT.633, ĐOẠN TỪ NÚI GHÈNH
ĐẾN GIÁP ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639)
CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN GIAO THÔNG TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 9,75 ha) tại núi Một, xã Cát Khánh và xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định để phục vụ thi công xây dựng Dự án Tuyển đường tránh ĐT.633, đoạn từ núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639).

- Địa điểm thực hiện: xã Cát Khánh và xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh.

- Địa chỉ liên hệ: 705 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 9,75 ha.

- Thời hạn khai thác: 02 năm.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h30 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h30).

- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là 276.459 m³ đất địa chất. Trữ lượng huy động vào khai thác 276.000 m³ đất địa chất. Công suất khai thác hàng năm như sau:

+ Năm thứ nhất: 150.000 m³ đất địa chất/năm

+ Năm thứ 2: 126.000 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác: chia diện tích mỏ đất làm 02 khoảng, thực hiện khai thác và phục hồi môi trường theo trình tự lần lượt từng khoảng. Mở vỉa tại cao độ cos +113,2m trung tâm mỏ, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 2,7 m - 3 m. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ thoải dần từ trung tâm hướng về xung quanh với độ cao từ +109m đến +34m (mức sâu nhất theo Văn bản số 2454/STNMT-TNKS ngày 12/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 0,8 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận

chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 04 hố giảm tốc (phía Bắc, Tây, Đông Nam), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.
- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất) dài khoảng 703 m.
- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 4,0 m x rộng 3,0 m x sâu 0,5 m.
- Khu vực phụ trợ phía Bắc (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.000 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 9,74 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,8 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 13.489 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 9,75 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất

thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ chiều dài khoảng 1.230 m (kích thước: rộng 1,0 m x sâu 0,5 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có chiều dài 703 m (kích thước: rộng 1,0 m x sâu 0,5 m) và mương dẫn nước sau xử lý từ hố giảm tốc phía Bắc ra nguồn tiếp nhận (kích thước: dài 47 m x rộng 1,0 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Bắc mỏ (tọa độ: 599943; 1558435), thể tích khoảng 966 m³ (diện tích 322 m², sâu 3 m); hố giảm tốc số 2 phía Tây mỏ (tọa độ 599.557; 1.558.207), thể tích khoảng 483 m³ (diện tích 161 m², sâu 3 m); hố giảm tốc số 3 phía Nam mỏ (tọa độ 599.730; 1.558.053), thể tích khoảng 483 m³ (diện tích 161 m², sâu 3 m); hố giảm tốc số 4 phía Đông mỏ (tọa độ: 599.999; 1.558.235), thể tích khoảng 483 m³ (diện tích 161 m², sâu 3 m); các hố giảm tốc được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc, phía Đông Bắc mỏ → mương thu gom phía Bắc và phía Đông Bắc dài khoảng 293 m → hố giảm tốc số 1 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mỏ dài khoảng 47 m → mương hiện trạng phía Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây mỏ → mương thu gom phía Tây dài khoảng 150 m → hố giảm tốc số 2 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thu gom phía Bắc và Tây Bắc dài khoảng 429 m → hố giảm tốc số 1 → mương thoát nước ngoài mỏ dài khoảng 47 m → mương hiện trạng phía Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam mỏ → mương thu gom phía Nam dài khoảng 260 m → hố giảm tốc số 3 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Nam mỏ (thuộc mỏ đất của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức).

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông mỏ → mương thu gom phía Đông dài khoảng 75m → hố giảm tốc số 4 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) →

mương thu gom phía Đông dài khoảng 309 m → hố giảm tốc số 1 → mương thoát nước ngoài mỏ dài khoảng 47 m → mương hiện trạng phía Bắc mỏ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình san lấp (đặc biệt lưu ý đoạn qua khu dân cư và đường công vụ 2a) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu mỏ (mương rửa bánh xe phía Tây mỏ, kích thước: dài 4,0 m x rộng 3,0 m x sâu 0,5 m), vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến công trình san lấp.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Kết quả đạt được | Thời gian thực hiện |
|-----|---------------------------------------|----------------|------------|--|--|
| 1. | Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ | cái | 5 | Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác | Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án |
| 2. | San gạt mặt bằng mỏ | m ³ | 17.550 | Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Kết quả đạt được | Thời gian thực hiện |
|-----|---|----------------|------------|----------------------------|--|
| 3. | San lấp mương thoát nước và hố giảm tốc | m ³ | 3.365,45 | Trả lại hiện trạng ban đầu | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm |
| 4. | Tháo dỡ cống thoát nước | tấn | 13,05 | | |
| 5. | Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động | m ² | 40 | | |
| 6. | Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ | ha | 9,75 | Phủ xanh khu vực khai thác | Sau khi kết thúc khai thác từng năm |
| 7. | Đo vẽ địa hình khu mỏ | ha | 9,75 | Giám sát độ sâu khai thác | Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng |

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **1.356.985.000 đồng** (Một tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: **339.246.000 đồng**; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần còn lại, số tiền: 1.017.739.000đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dùm xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Giám sát bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn 02 điểm tại Khu vực bố trí lán trại và Ngã ba đường vào mỏ giao với đường ĐT 639 dự án so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.